

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31 – 5 – 2022
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hữu Danh.
2. Ông Huỳnh Thanh Phong.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 164/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 251/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 287/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Tuyết V, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 10, ấp MT, xã MHĐ, huyện CM, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thế A, sinh năm 1987; địa chỉ: Số nhà 679, tổ 17, ấp HB2, xã ĐP, huyện AP, tỉnh An Giang.

Người làm chứng:

- Ông Đỗ Văn M, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ 10, ấp MT, xã MHĐ, huyện CM, tỉnh An Giang.

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1963; địa chỉ: Số nhà 679, tổ 17, ấp HB2, xã ĐP, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bà Đỗ Thị Tuyết V có mặt, ông Nguyễn Thế A vắng mặt không rõ lý do, ông Đỗ Văn M và ông Nguyễn Văn C có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của bà Đỗ Thị Tuyết V; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Tuyết V và ông Nguyễn Thế A tự tìm hiểu, quen biết rồi tiến đến hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐP, huyện AP (theo bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 188/HT, quyển số 01/2009 ngày 23/11/2009 của UBND xã ĐP).

Sau khi kết hôn thì bà V về chung sống với gia đình ông Thế A khoảng 03 năm. Sau đó bà V về nhà cha mẹ ruột sinh sống do gia đình chồng khó khăn, cha mẹ chồng hay chửi mắng. Thời điểm đó, ông Thế A vẫn lên xuống nhà bà V và nhà mẹ chồng. Đến khoảng năm 2019 thì bà V và ông Thế A lên Bình Dương làm công nhân, cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không trầm trọng. Đến khoảng năm 2021 thì bà V và ông Thế A phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Thế A hay ghen tuông, nghe lời cha mẹ ruột dẫn đến mâu thuẫn về tiền bạc, bản thân ông Thế A có lời nói xúc phạm danh dự, nhân phẩm, có hành vi bạo lực gia đình đối với bà V, chặn đường đánh trước cửa nơi bà V làm việc. Bà V và ông Thế A sống ly thân nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm. Quá trình sống ly thân, ông Thế A thường xuyên nhắn tin chửi mắng bà V bằng những lời lẽ thô tục. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà V yêu cầu được ly hôn với ông Thế A.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà V và ông Thế A có với nhau 02 con chung tên: Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 30/6/2011 và Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 22/3/2010. Cháu T đang sống cùng bà V, cháu T1 đang sống cùng gia đình ông Thế A. Bà V yêu cầu được nuôi dạy cháu T, đồng ý để ông Thế A được tiếp tục nuôi dạy cháu T1. Không yêu cầu cấp dưỡng qua lại để nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông Nguyễn Thế A để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 20/4/2022 nhưng ông Thế A vắng mặt không rõ lý do.

Ngày 20/4/2022, bà V có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án, yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử do làm ăn xa.

- Về tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do bà V giao nộp: Bản sao Trích lục khai sinh mang tên Nguyễn Ngọc Bảo T; bản sao Giấy khai sinh mang tên Nguyễn Ngọc T1, bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 188/HT, quyển số 01/2009 ngày

23/11/2009 của UBND xã ĐP, huyện AP; bản photo Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Nguyễn Thế A; bản photo Giấy chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Thị Tuyết V.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản ghi nhận ý kiến cháu Nguyễn Ngọc Bảo T; biên bản lấy lời khai đương sự ngày 29/4/2022.

Tại phiên tòa, bà Đỗ Thị Tuyết V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Hội đồng xét xử công bố biên bản lấy lời khai người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

- Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 20/4/2022, ông Đỗ Văn M cho biết: Ông M là cha ruột của bà Đỗ Thị Tuyết V, bà V sống cùng ông M kể từ năm 2012 nên ông M biết rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng Đỗ Thị Tuyết V và Nguyễn Thế A:

Bà Đỗ Thị Tuyết V và ông Nguyễn Thế A tự tìm hiểu, quen biết rồi tiến đến hôn nhân vào năm 2009. Thời điểm tiến đến hôn nhân, gia đình Thế A không đồng ý tổ chức lễ cưới, gia đình ông M không đồng ý nhưng do V yêu thương Thế A nên gia đình cũng chiều lòng cho tiến đến hôn nhân. Cả hai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐP, huyện AP (theo bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 188/HT, quyển số 01/2009 ngày 23/11/2009 của UBND xã ĐP). Quá trình chung sống, Thế A thường xuyên ghen tuông dẫn đến mâu thuẫn gia đình, ông M thường khuyên nhủ Thế A nhưng Thế A không thay đổi. Gia đình Thế A cũng không yêu thương Tuyết V, gia đình hai bên cũng không qua lại, không thân thiết. Được biết giữa Thế A và Tuyết V đã không chung sống từ đầu năm 2022 cho đến nay.

Về con chung: Quá trình chung sống, cả hai có với nhau 02 con chung tên: Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 30/6/2011 và Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 22/3/2010. Cháu T đang sống cùng gia đình tôi, cháu T1 đang sống cùng gia đình ông Thế A.

Về tài sản chung, nợ chung: Không rõ.

Do tôi nhà xa, lớn tuổi nên ông M yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án triệu tập tham gia xét xử.

- Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 29/4/2022, ông Nguyễn Văn C cho biết: Ông C là cha ruột của ông Nguyễn Thế A

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thế A và bà Nguyễn Thị Tuyết V tự tìm hiểu, quen biết và tiến đến hôn nhân vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐP, huyện AP. Sau khi kết hôn thì cả hai sống cùng gia đình ông C một thời gian. Đến khoảng năm 2015 thì ông Thế A và bà V sống riêng do phát sinh mâu thuẫn với gia đình ông C. Đến khoảng năm 2019 thì ông Thế A và bà V lên Bình Dương làm công nhân, sau đó cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách vợ chồng không hòa hợp. Cả hai đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Gia đình bà V cũng không đến gia

đình ông C để hàn gắn, hòa giải cho cả hai. Mâu thuẫn hiện nay của cả hai đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên ông C yêu cầu Tòa án sớm giải quyết cho ông Thế A và bà V được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, cả hai có với nhau 02 con chung tên: Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 30/6/2011 và Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 22/3/2010. Cháu T đang sống cùng bà V, cháu T1 đang sống cùng gia đình ông C. Do cháu T1 đi học nên không đến được Tòa án đề Tòa án ghi nhận ý kiến. Tuy nhiên, cháu T1 đã sống cùng gia đình ông C từ nhỏ cho đến nay, gia đình ông C đồng ý để bà V được tiếp tục nuôi dạy cháu T.

Về tài sản chung, nợ chung: Không rõ.

Ông C còn cho biết, ông Thế A hiện nay đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà nên không thể đến Tòa án, ông Thế A có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án. Ngoài ra, ông C yêu cầu được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AP:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Ông Nguyễn Thế A vắng mặt lần thứ hai không lý do; bà Đỗ Thị Tuyết V có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt; người làm chứng ông Đỗ Văn M và ông Nguyễn Văn C đã có lời khai tại Tòa án và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 207, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của bà V và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà V và ông Thế A đã đến mức trầm trọng, ông Thế A có lời nói xúc phạm, có hành vi bạo lực gia đình đối với bà V, cả hai đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay không hàn gắn tình cảm. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Tuyết V. Về con chung: Bà Đỗ Thị Tuyết V được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 30/6/2011 và ông Nguyễn Thế A được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 22/3/2010; cả hai không phải cấp dưỡng qua lại để nuôi dạy con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tuyết V không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn ông Nguyễn Thế A đều vắng mặt không lý do; đồng thời, ông Thế A đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông Thế A đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Nguyên đơn bà Đỗ Thị Tuyết V có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt; người làm chứng ông Đỗ Văn M, ông Nguyễn Văn C có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Hôn nhân giữa bà V và ông Thế A hình thành do tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐP, huyện AP (theo bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 188/HT, quyền số 01/2009 ngày 23/11/2009 của UBND xã ĐP). Ông Thế A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Số nhà 679, ấp HB2, xã ĐP, huyện AP, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà V cho rằng, bà V và ông Thế A sống ly thân nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm, nguyên nhân là cả hai chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông Thế A có hành vi bạo lực gia đình, có lời nói xúc phạm danh dự, nhân phẩm bà V. Những mâu thuẫn mà bà Tuyết V trình bày được ông Đỗ Văn M và ông Nguyễn Văn C xác nhận trong biên bản ghi nhận lời khai người làm chứng.

Nam nữ khi tiến đến hôn nhân đều hướng đến mục đích là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững nhưng giữa bà V và ông Thế A lại tồn tại những mâu thuẫn không thể hàn gắn dẫn đến đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Cả hai đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay. Quá trình sống ly thân, cả hai đã không hàn gắn tình cảm vợ chồng, gia đình hai bên cũng không có sự động viên, hòa giải; bản thân gia đình hai bên cũng phát sinh mâu thuẫn, không tiếp xúc qua lại. Điều này đã cho thấy sự vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Từ những phân tích nêu trên, có thể nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa bà V và ông Thế A đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Sau khi xem xét điều kiện nuôi con của V, nguyên

vọng của con chung. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định để bà V được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 30/6/2011, ông Thế A được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 22/3/2010. Bà V và ông Thế A không phải cấp dưỡng qua lại để nuôi dạy con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông Nguyễn Thế A cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Đỗ Thị Tuyết V đối với cháu Nguyễn Ngọc Bảo T. Ngược lại, bà Đỗ Thị Tuyết V cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của ông Nguyễn Thế A đối với cháu Nguyễn Ngọc T1. Bà Đỗ Thị Tuyết V và ông Nguyễn Thế A cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở lẫn nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đỗ Thị Tuyết V không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này ông Thế A có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Bà Đỗ Thị Tuyết V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông Nguyễn Thế A không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Đỗ Thị Tuyết V và ông Nguyễn Thế A có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Tuyết V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Tuyết V được ly hôn với ông Nguyễn Thế A.

2. Về con chung: Bà Đỗ Thị Tuyết V được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 30/6/2011; ông Nguyễn Thế A được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 22/3/2010. Bà V và ông Thế A không phải cấp dưỡng qua lại để nuôi dạy con chung.

Ông Nguyễn Thế A cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Đỗ Thị Tuyết V đối với cháu Nguyễn Ngọc Bảo T. Ngược lại, bà Đỗ Thị Tuyết V cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của ông Nguyễn Thế A đối với cháu Nguyễn Ngọc T1. Bà Đỗ Thị Tuyết V và ông Nguyễn Thế A cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở lẫn nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà Đỗ Thị Tuyết V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà V đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006920 ngày 29/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Thế A không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai có mặt bà Đỗ Thị Tuyết V, vắng mặt ông Nguyễn Thế A. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà V có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông Thế A là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Giấy chứng nhận kết hôn số 188/HT, quyển số 01/2009 ngày 23/11/2009 của Ủy ban nhân dân xã ĐP, huyện AP, tỉnh An Giang cấp cho bà Đỗ Thị Tuyết V và ông Nguyễn Thế A không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện AP;
- THADS huyện AP;
- UBND xã ĐP;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tuấn